

Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại

PG.S.TS. NGUYỄN CHÍ BÈN*

Không gian của Hội Gióng, khởi nguyên là vùng xứ Bắc/Kinh Bắc. Trải qua những biến đổi ranh giới địa lý trong lịch sử, hiện nay vùng lưu hành Hội Gióng, chủ yếu vẫn nằm ở bờ Bắc của sông Hồng. Vùng trung tâm của Hội Gióng là các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn trước kia thuộc tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc thành phố Hà Nội. Ở huyện Gia Lâm, không gian Hội Gióng tồn tại chủ yếu ở làng Phù Đổng (xã Phù Đổng). Theo huyền thoại, đây là nơi sinh ra Thánh Gióng, xưa là xã Đặng Xá, thôn Lệ Chi (xã Lệ Chi); ở quận Long Biên, Hội Gióng lưu hành ở làng Hội Xá, nay thuộc phường Phúc Đồng; ở huyện Sóc Sơn, Hội Gióng diễn ra gần như với ba vùng khác nhau: thứ nhất là vùng đền Sóc (thôn Vệ Linh, xã Phù Linh) và sự tham gia của các thôn Dục Thượng (xã Tiên Dục), Xuân Dục, Đan Tảo (xã Tân Minh), Đức Hậu (xã Đức Hòa), Yên Sào (xã Xuân Giang), Yên Tàng (xã Bắc Phú); thứ hai là vùng đền Sọ, thôn Phù Lỗ Đoài (xã Phù Lỗ); thứ ba là Hội Gióng ở làng Thanh Nhân (xã Thanh Xuân), làng Xuân Lai (xã Xuân Thu); ở huyện Đông Anh, Hội Gióng tồn

tại ở các làng Sơn Du, Cán Khê (xã Nguyên Khê), Đống Đổ (xã Nam Hồng). Vùng lan tỏa của Hội Gióng, ở huyện Từ Liêm, Hội Gióng tồn tại ở thôn Xuân Tảo (xã Xuân Đỉnh); ở huyện Thường Tín có Hội Gióng ở đền Đông Bộ Đầu (xã Thống Nhất). Tất cả các lễ hội này đều có nhân vật trung tâm là người anh hùng làng Phù Đổng: Thánh Gióng.

Chủ thể sáng tạo, bảo tồn, tổ chức Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc nói riêng và các làng xã khác nói chung là những nông dân Việt sống bằng nghề trồng lúa nước. Nếu hàng số của văn hóa Việt nơi châu thổ Bắc Bộ là nông dân - nông nghiệp lúa nước và xóm làng thì các hàng số ấy cho đến hiện tại, nó vẫn tồn tại gần như nguyên vẹn. Huyện Sóc Sơn, đến nay, kinh tế sản xuất nông lâm nghiệp vẫn là chính, với tổng diện tích là 20.400ha, trong đó đất nông nghiệp là 13.835ha, đất lâm nghiệp là 6.133,5ha, đất nuôi trồng thủy sản là 430,6ha, vào năm 2001, tổng số hộ là 53.121 hộ, trong đó có 44.320 hộ làm nông nghiệp. Huyện Gia Lâm và quận Long Biên đến năm 2003, nông nghiệp vẫn là chính. Vào năm 2009, huyện Gia Lâm có 127 thôn làng, với 55.000 hộ gia đình, trong đó có 48.000 hộ làm nông nghiệp.

* VIÊN TRƯỞNG

VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM



Tại các huyện khác như Đông Anh, Từ Liêm, Thường Tín, tình hình cũng diễn ra tương tự. Chính những điều ấy lý giải vì sao lễ hội về người anh hùng làng Phù Đổng có sức sống lâu bền trong lịch sử.

Thực ra, Thánh Gióng là một nhân vật huyền thoại, được người dân thiêng hóa để trở thành nhân vật của tín ngưỡng. Huyền thoại về Thánh Gióng được biến đổi qua thời gian. Tif truyện về người anh hùng chống ngoại xâm, bảo vệ cộng đồng, bảo vệ đất nước, lúc sinh ra trong hoàn cảnh không bình thường, vụt lớn dậy, trở thành người anh hùng ra trận đánh giặc khá phổ biến trong huyền thoại của các dân tộc trên thế giới. Trên lát cắt đồng đại, huyền thoại về người anh hùng làng Gióng này có thể chia ra làm ba chặng với các mô tif như sau:

a. Chặng sinh thành:

- Người mẹ dẫm phải vết chân thần kỳ.
- Người mẹ mang thai hơn 3 năm; cậu bé sinh ra ba năm không biết nói cười.
- Lớn lên đột biến (vươn vai lớn bổng); họ hàng, làng xã nuôi dưỡng với cơm, cà.
- Theo lệnh vua, triều đình và làng xã trang bị các vũ khí bằng sắt (giáp sắt, ngựa sắt, roi sắt) cho người anh hùng ra trận đánh giặc.

b. Chặng đánh giặc:

- Ra trận cùng với những tướng lĩnh khác.
- Đánh giặc gãy roi sắt; nhổ tre làm vũ khí đánh giặc.
- Đánh thủy quái.

c. Chặng hóa thân:

- Bay về trời, không màng danh lợi nơi cõi trần.
- Phù hộ các vương triều đời sau đánh giặc ngoại xâm.

Như vậy, có thể thấy, huyền thoại Thánh Gióng thuộc tif truyện người anh hùng đánh giặc ngoại xâm bảo vệ cộng đồng, sinh ra để gánh vác nhiệm vụ chống giặc ngoại xâm cho cộng đồng cư dân châu thổ sông Hồng. Tif truyện người anh hùng được sinh ra trong hoàn cảnh khác thường => nghe lời kêu gọi đi đánh giặc => cộng đồng trang bị cho vũ khí => đi đánh giặc => chiến thắng => trở về, là một tif truyện quen thuộc về người anh hùng chống giặc ngoại xâm, đem lại hòa bình cho cộng đồng, cho dân tộc, không chỉ là tif truyện của riêng người Việt mà là tif truyện mang tính nhân

loại. Nhưng sự độc đáo chính ở mô tif bay về trời của huyền thoại Thánh Gióng sau khi hoàn thành nhiệm vụ đánh giặc ngoại xâm. Đây là mô tif đẹp nhất, lãng mạn nhất trong tif truyện về người anh hùng chống giặc ngoại xâm của người Việt mà ít thấy trong tif truyện về người anh hùng chống ngoại xâm của nhiều dân tộc ở Việt Nam và phần nào trong tif truyện về người anh hùng chống ngoại xâm của các dân tộc khác trên thế giới.

Giá trị lớn nhất của Hội Gióng là sự tồn tại của nhiều lớp văn hóa - tín ngưỡng đã lắng đọng trong huyền thoại và lễ hội. Trước hết là tín ngưỡng thờ các hiện tượng tự nhiên. Nhà nghiên cứu Cao Huy Đỉnh dày công điền dã vùng Trung châu đã ghi lại lời kể của người dân vùng Trung châu: "Đây là dấu chân ông Đổng. Ông Đổng cao lớn lạ thường. Đầu đội trời, chân đạp đất, vai chạm mây. Ông cào đất thành đồng ruộng, vun đá thành đồi gò, xẻ cát thành sông bãi. Ông bước dài từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. Dấu chân ông lún cả đá, thủng cả đất. Tiếng nói ông vang âm thành sấm. Mắt ông sáng lòa chớp lửa. Hơi thở ông phun ra mây đen, gió bão và mưa dông. Ông hay hiện ra trong những ngày hè có dông, lúc cà đã đậu trái, lúa chiêm sắp trở đòng. Ông đi đủ mọi chiều, lúc tốc thẳng, lúc xoay vòng. Ông đi đằng Tây sang đằng Đông là Bão Tây. Ông đi đằng Đông sang đằng Tây là Bão Đông. Ông đập hết lúa, rụng hết cà và gãy bật bao nhiêu là tre pheo, đa đề". Hình tượng một vị thần tự nhiên còn lại trong dân gian như một mẫu đề thần thoại, gợi cho chúng ta một liên tưởng, đó chính là tif truyện về nhân vật thần kỳ gắn bó với buổi hồng hoang của lịch sử nhân loại. Tiếc là, do nhiều nguyên nhân, thần thoại của người Việt đã vỡ vụn ra, khi tiếp xúc với văn hóa phương Bắc, mà không thành hệ thống như thần thoại của các dân tộc Bana, Giarai, Êđê... ở Việt Nam, của Ấn Độ hay một số nước khác, mà chỉ còn những mảnh vụn, những mẫu đề huyền thoại. Những câu đồng dao ở xứ Nghệ từng kể về những con người kỳ vĩ ấy:

Ông tát bể

Ông kể sao

Ông đào cây

Ông xây rú

Vì thế, tầng văn hóa - tín ngưỡng cổ xưa của

người Việt cổ trong huyền thoại về ông Gióng, chính là dấu vết của ông Đổng. Dân gian đã huyền thoại hóa một hiện tượng tự nhiên thành một tín ngưỡng, một nhân vật để phụng thờ. Cũng không phải ngẫu nhiên mà trong vùng Phù Đổng trước đây còn một miếu cổ thờ ông Đổng và người ta cúng ông bằng bát cơm, đĩa cà, cúng chay vào tiết mưa đông (ngày 9 tháng Tư Âm lịch). Mùa thu hoạch cà, người ta dành riêng cho ông Đổng một sào cà để ông về ông hái, còn các ruộng khác, bên cạnh cây cà, người ta cắm những que tre dài, một đầu vót thành xơ như bông, để dành cho ông Đổng, kéo ông hái cà, hái đến ruộng cà. Những chi tiết ấy gợi đến nghi lễ của người dân tộc thiểu số phía Bắc, trước mùa thu hoạch lúa, làm nghi lễ cúng mẹ Lúa, rồi mới thu hoạch lúa. Nói cách khác, đó chính là tín ngưỡng thờ các vị thần tự nhiên của cư dân Việt cổ. Ông Đổng chính là vị thần sấm sét, mưa dông, cho nên ông xuất hiện trong đêm mưa gió là vậy. Cũng chính huyền thoại ấy đã khiến Hội Gióng ở Phù Đổng được thực hiện vào ngày 9 tháng Tư Âm lịch. Cố GS. Trần Quốc Vượng quả chí lý khi "mệnh danh Hội Gióng là tết mưa đông"¹². Bởi lẽ, đây là thời kỳ cuối của lễ hội mùa xuân, đầu tháng Tư Âm lịch là bắt đầu mùa mưa ở châu thổ Bắc Bộ, để:

Tháng Tư cày vỡ ruộng ra

Tháng Năm gieo mạ chan hòa nơi nơi.

Hội Gióng là hội bắt đầu vòng quay mới của chu kỳ vòng đời cây lúa, của một mùa vụ mới. Để bắt đầu mùa vụ mới này, người dân mong mưa, chính ước mong ấy đã khiến đời sống văn hóa - tín ngưỡng có nghi thức cầu mưa, như khải đỉnh của X. A Tôcarev, nhà tôn giáo học hàng đầu của Liên Xô (cũ): Trong tất cả các tôn giáo đều có lễ cầu mưa.

Cùng với tín ngưỡng thờ thần sấm sét, mưa dông, Hội Gióng còn có tín ngưỡng thờ cây, đá. Mọi điều liên quan đến giặc ngoại xâm mà Thánh Gióng tiêu diệt đều liên quan đến đá. Ngựa đá, cọc buộc ngựa của giặc Ân ở vùng Châu Cầu là một trụ đá. Huyền thoại mà Trần Bá Chí ghi chép ở vùng Sóc Sơn cho thấy, các đồ dùng của giặc Ân đều bằng đá, tướng giặc Ân có tên Thạch Linh. Chông đá, liềm đá, thống đá gắn bó với người mẹ sinh ra Thánh Gióng ở Đổng Xuyên. Vết chân Thánh Gióng

lưu lại trên tảng đá ở Thanh Nhàn (xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn). Tất cả đều gợi đến một tín ngưỡng cổ xưa của cư dân Việt. Trên đỉnh núi Sóc, theo các bộ lão trong vùng, xưa kia còn một ngôi miếu cổ rất thiêng, trong miếu có một tảng đá lớn, tục truyền trên tảng đá ấy có dấu chân ông Đùng in lõm sâu xuống³. Không rõ dựa vào nguồn cứ liệu nào, năm 1984, PGS.TS. Đặng Văn Lung và PGS.TS. Thu Linh cho rằng: "Xung Thiên thần vương hay còn gọi là ông Đổng, là Thạch tướng quân (thờ ở làng Phù Đổng). Nhiều người giải thích Phù Đổng là Phnom - Núi, theo hệ ngôn ngữ Khơme; có người giải thích Phù Đổng là Pù Đổng - Núi, theo ngôn ngữ Tày Thái"⁴. Ý tưởng này có thể gợi cho chúng ta tìm đến một tảng văn hóa - tín ngưỡng sâu hơn, nhưng không phải không có chút dấu vết của cách giải thích theo kiểu từ nguyên học dân gian.

Cũng là tín ngưỡng liên quan đến thờ phụng các hiện tượng tự nhiên, trong Hội Gióng còn có tín ngưỡng thờ mặt trời. Ở đền Phù Đổng và đền Sóc đều có một con ngựa trắng bằng gỗ trong điện thần. Chính đây là biểu tượng của tín ngưỡng thờ mặt trời. Tư duy huyền thoại dùng hình tượng ngựa/xe ngựa để tượng trưng cho mặt trời. Phải nói rằng, với những cư dân mà phương thức canh tác là trồng lúa nước thì tín ngưỡng thờ mặt trời là trọng yếu với họ. Theo Lại Văn Tới, trong các hiện vật khai quật được ở Cổ Loa, có 03 chiếc trống đồng: trống Xóm Nhỏ, trống Cổ Loa I và trống Cổ Loa II. Đáng lưu ý là trống Cổ Loa I, chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 14 cánh, giữa các cánh là họa tiết lông công, vành 8 là 16 con chim mỏ dài, bay ngược chiều kim đồng hồ⁵. Hình ngôi sao 14 cánh giữa mặt trống đồng và những con chim bay ngược chiều kim đồng hồ chính là dấu vết để ta hiểu tín ngưỡng thờ mặt trời của cư dân Việt cổ ở Cổ Loa, có một thời nó đã tồn tại. Vì vậy, huyền thoại về Thánh Gióng và linh vật trong di tích vẫn như nhắc nhở về tín ngưỡng thờ mặt trời của văn hóa Đông Sơn từng hiện diện với cư dân Việt nơi đây như ý kiến của cố GS. Trần Quốc Vượng: "Một vết tích Đông Sơn còn tồn tại nơi Hội Gióng là tục thờ mặt trời. Mặt trời Đông Sơn đã chuyển từ biểu tượng ngôi sao giữa mặt trống đồng với những cánh chim bay ngược chiều kim đồng hồ

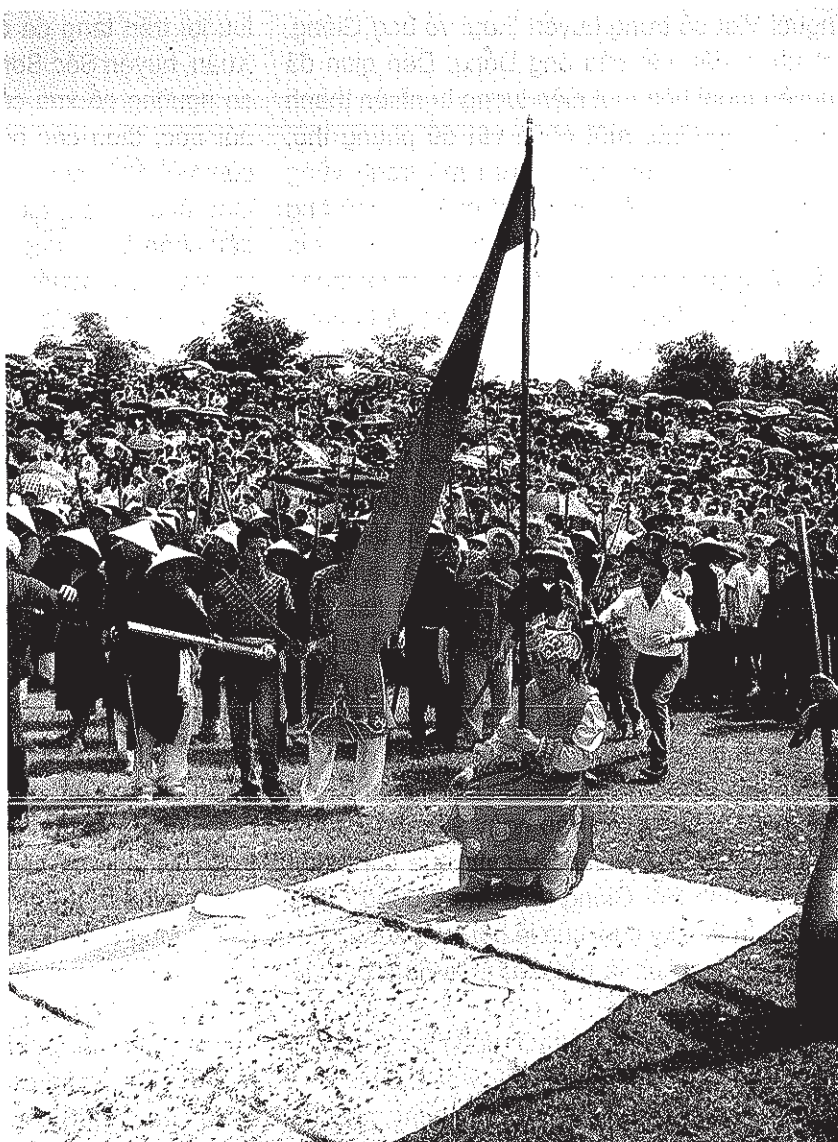
sang biểu tượng con ngựa trắng ở đền Gióng và con ngựa sắt ở huyền tích Gióng⁶. Cũng cần lưu ý trang phục của các "tướng giặc", theo ghi chép của *Bắc Ninh tỉnh khảo dị*: "Người con gái nào làm tướng thì thân mặc quần áo màu đỏ, đầu đội mũ võ"⁷ và trang phục của người đóng vai Thiên vương cũng mặc quần áo đỏ như vậy, đều là những biểu tượng có hồi quang của tín ngưỡng thờ mặt trời. Biểu tượng rõ nhất của tín ngưỡng thờ mặt trời là trò diễn đánh cờ lệnh của ông Hiệu cờ (người tượng trưng cho ông Gióng). Ba ván cờ thuận, ba ván cờ nghịch mà ông Hiệu cờ thực hiện ở Đống Đàm, Soi Bia, màu của lá cờ tượng trưng cho mặt trời, đánh cờ lệnh chính là miêu tả sự vận động của mặt trời theo thời gian của một ngày: từ Đông sang

Tây ban ngày và từ Tây sang Đông ban đêm. Nghi thức Thánh Gióng ra trận đánh giặc ở ngày hội cũng được tiến hành vào lúc chính Ngọ (giữa trưa). Hành trình của Thánh Gióng, nơi chiến trường theo huyền thoại từ Đông (núi Châu Sơn) về Tây (núi Sóc) để về trời chính là sự vận động của mặt trời từ Đông sang Tây.

Dấu vết của tín ngưỡng thờ mặt trời còn thấy ở trò hát phết ở hội làng Đìa (Đống Đổ) xã Nam Hồng, huyện Đông Anh. Ngày hội thờ Thánh Gióng ở đây bao giờ cũng có trò diễn hát phết (cướp cầu), quả phết hình trám, sơn đỏ, được các bô lão làm nghi thức mang ở trong hậu cung ra, trai làng chừng 20 người cầm phết tranh nhau, hát lên không trung, quả

phết càng rơi lên, rơi xuống nhiều lần càng tốt, dân làng càng vui vẻ. Các cụ già trong làng kể trò diễn này vốn là cách mà Thánh Gióng dùng để luyện quân thuở xưa. Chính trò diễn này là sự thể hiện của tín ngưỡng thờ mặt trời của cư dân làng Đìa.

Trong khi đó, cư dân làng Lệ Chi (xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm) vào sáng ngày 8 tháng Giêng lại có trò diễn đấu vật giữa quân ta mình trần khổ đỏ, thắt lưng bao màu vàng và quân đóng giặc Ân mình trần khổ xanh, thắt lưng màu trắng. Trò diễn thi đấu vật của các đô vật, màu đỏ của chiếc khổ là hồi quang của tín ngưỡng thờ mặt trời của cư dân Việt cổ. Cùng nghi lễ này còn có nghi lễ đấu gậy, tranh giành quả



Ông Hiệu Cờ trong Hội Gióng - Ảnh: C.T.V

dừa trên ngọn cây tre cũng là hồi quang của tín ngưỡng thờ mặt trời. Khác với tín ngưỡng thờ mặt trời với tư cách là một tôn giáo quốc gia như sự thờ cúng nữ thần mặt trời Amaterasu của Nhật Bản, sự thờ cúng mặt trời của các cư dân nông nghiệp như người Việt cổ gắn liền với lễ cầu được mùa.

Một tín ngưỡng tồn tại trong lễ Hội Gióng ở các làng là tín ngưỡng phồn thực. Thuộc vào hàng các tín ngưỡng cổ xưa của cư dân nông nghiệp có từ thời Đá mới, như nhận định của X.A. Tôcarev, nhà tôn giáo học hàng đầu của Liên Xô (cũ), đây là "Một trong những cội rễ cổ xưa nhất, đồng thời độc lập của các tín ngưỡng và lễ nghi tôn giáo gắn liền với quan hệ nam nữ"⁹. Ở cơ tầng văn hoá Đông Nam Á cổ, tín ngưỡng phồn thực khá phát triển. Trên dải đất Việt Nam hiện tại, các nhà khảo cổ học đã tìm được khá nhiều hiện vật thể hiện tín ngưỡng này. Pho tượng đá đào được ở di chỉ Phùng Nguyên (4.000 năm tr.CN), hai tay bị lược bỏ, nhưng bộ phận sinh dục phát triển. Tượng đá đào được ở Văn Điển (Thiên niên kỷ I tr.CN) là hình một người đàn ông có bộ phận sinh dục rất to. Trên nắp thạp đồng Đào Thịnh đào được ở Yên Bái (thế kỷ V tr.CN) là bốn đôi nam nữ trong tư thế đang giao hợp. Khi tiếp xúc, giao lưu văn hoá giữa văn hoá Hán và văn hoá của cư dân Đông Nam Á cổ, tín ngưỡng phồn thực biến đổi theo các cách khác nhau. Ở phía Nam sông Gianh, tín ngưỡng này không bị tác động bởi văn hoá Hán, nên phát triển như một dòng chảy, một thành tố cấu thành hệ thống các tín ngưỡng ở đây cho đến hiện nay mà bằng chứng chúng ta có thể thấy qua các linga, yoni được thờ trong các tháp (kalan) của người Chăm trên dải đất miền Trung, có thể thấy qua các tượng nhà mồ phổ biến ở Tây Nguyên. Ở khu vực châu thổ Bắc Bộ, tiếp xúc và giao lưu văn hóa với văn hoá Hán đã diễn ra, thậm chí có vương triều như vương triều Trần (1266 - 1400) còn ra lệnh triệt phá các dâm từ, cấm không cho dân thờ các dâm thần khiến tín ngưỡng này bị giải cấu trúc, nhưng tín ngưỡng này không vì thế mà bị biến mất. Ý kiến của nhà dân tộc học tài danh, cố GS. Nguyễn Từ Chi hoàn toàn chính xác: "Nam nữ giao phối, biểu tượng của phồn thực, của sinh sôi nảy nở không phải là kết quả của cả một quá trình

nhận thức từ tốn, lâu dài. Nó là con đẻ của một sức mạnh không dè dặt trước được, bất thần dâng lên từ chốn sâu thẳm của con người, từ tầng vô thức. Nó là bản năng, vĩnh viễn là bản năng"⁹. Các mảnh vụn của tín ngưỡng này tồn tại khá nhiều trong các loại hình văn hoá dân gian từ văn học dân gian đến mỹ thuật dân gian (điều khắc đình làng, tranh dân gian) đến lễ hội dân gian. Xứ Bắc/vùng Kinh Bắc, nơi tụ cư sớm của những cư dân Việt cổ cho nên là vùng mà tín ngưỡng phồn thực khá phát triển. Cho đến năm 1920, trong *Bắc Ninh tỉnh khảo dị* vẫn ghi chép những lễ hội còn tồn tại các biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực như lễ hội xã Long Khám, tổng Đông Sơn, huyện Tiên Du, xã Trường Lâm, huyện Gia Lâm, xã Cự Linh, huyện Gia Lâm, xã Phú Thị huyện Gia Lâm...¹⁰. Vì thế, nếu lễ hội đền Phù Đổng có các biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực, hẳn không phải là điều lạ.

Thể hiện rõ nhất tín ngưỡng phồn thực là việc 28 cô gái xinh đẹp của làng Phù Đổng được chọn vào vai "tướng giặc". Các cô gái này được chọn theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt: từ 10 đến 13 tuổi, xinh đẹp, ngoan ngoãn, nhà không có "bụi bặm", chánh tướng, phó tướng phải là cô gái xinh đẹp nhất trong 28 cô gái này. PGS.TS. Lê Hồng Lý kể: "Có một nhà nghiên cứu folklore Bulgaria, giáo sư Rađost Ivanốpva khi xem 28 nữ tướng giặc Ân ở Hội Gióng và trận đánh của các ông Hiệu (các tướng của Gióng) còn có một ý kiến khác, đó phải chăng là tục cướp vợ thời xưa mà ngày nay vẫn còn tồn tại ở một số dân tộc ở nước ta cũng như trên thế giới"¹¹. Tư liệu điền dã của nhà nghiên cứu Cao Huy Đình từ thập niên sáu mươi của thế kỷ XX ở Phù Đổng cho biết, trong hội Phù Đổng ngày 7 tháng Tư, sau lễ tế ở đền Thượng với cỗ chay, "Đêm đến có tục trai gái đuổi bắt nhau ở bãi sông. Bên trai thường chỉ đóng khố và để đầu trần để khỏi bị bên gái túm khăn áo lòi. Tục này rất cổ, càng ngày càng nhạt dần, chỉ còn dấu vết trong lối trai gái giễu cợt nhau"¹². Tục này không khỏi gợi đến tục hát trùm đầu ở các làng Quan họ cổ ở Bắc Ninh, một phong tục đậm nét tính phồn thực. Trong các bài hát do phường Ải Lao trình diễn ngay trong lễ hội đền Phù Đổng còn có bài hát thể hiện khát vọng nam nữ thanh niên đi tìm vợ tìm

chông. Một người trong phường Ái Lao cầm cần câu cá, ca một khúc:

*Người ta câu bể câu sông
Thì tôi câu lấy con ông cháu bà
Có chông con, em nhả mối ra
Không chông con, em cần, em dứt, em tha
lấy mối*

*Khấn gởi phù hộ cho tôi
Để tôi câu lấy một người thanh tân*

Chú giải câu hát cuối cùng này, tác giả *Bắc Ninh tỉnh khảo dị* ghi rõ: "Người này, bao quanh là quân sĩ ở trước mặt đê, cầm một cần câu cá. Người này nhìn thấy một người con gái đẹp, câu vào người con gái đẹp này, miệng ca hai câu này, lại lấy cần câu câu cô ấy, để làm vui vầy"¹³. Nói đến tín ngưỡng phồn thực trong Hội Gióng, không thể không nghĩ đến cột buộc ngựa của giặc Ân ở Châu Cầu (nay thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh). Cây trụ đá nhân tạo này, cao trên dưới 4m, trên nhỏ có ngẩng, dưới to có ngông cắm xuống một phiến đá hình bánh dày, chính là biểu tượng của linga và yoni.

Trong khi đó, kết thúc lễ hội đền Sóc (huyện Sóc Sơn) là trò diễn chém tướng. Ba cô gái từ 13 đến 16 tuổi của ba làng Yên Tàng, Mậu Tàng, Xuân Tàng được chọn vào vai tướng giặc và tối ngày 7 tháng Giêng, "lễ chém tướng bắt đầu. Từ trên đỉnh núi có các lá cờ hiệu phát ra lệnh. Theo hiệu lệnh cờ chỉ dẫn, người đóng quân chém tướng nhanh nhẹn theo các động tác chém tướng đã được tập duyệt. Lúc này, trống chiêng inh ỏi, rừng người xem chen chúc vòng trong, vòng ngoài. Lá cờ hiệu trên núi phất lia lịa, nhanh như cắt, một nhát kiếm đưa, vị nữ tướng ù té chạy, vụt nhanh vào chỗ khuất, có người nhà công về nhà"¹⁴. Phảng phất trong tục chém tướng này là cảnh trai gái làng đi chơi xuân trên núi thuở xưa. Nói cách khác, đó là một dạng biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực. Có điều, tín ngưỡng phồn thực chỉ còn hiện hình trong các mảnh vụn của các lớp văn hóa-tín ngưỡng.

Cùng với tín ngưỡng thờ thần tự nhiên, thờ mặt trời, tín ngưỡng phồn thực là tín ngưỡng thờ tổ nghề. Để hiểu tín ngưỡng thờ tổ nghề ở vùng xung quanh Cổ Loa, cần đặt nó trong tương quan với các tín ngưỡng vùng Việt Trì liên quan đến Sơn Tinh, vùng Hưng Yên liên quan đến Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân, vùng Nam

Định liên quan đến Thánh mẫu Liễu Hạnh. Trong diện mạo tín ngưỡng thờ Tứ bất tử, tín ngưỡng thờ tổ nghề ở Cổ Loa sẽ có nét khác biệt. Hai bên bờ sông Hồng nếu lấy tâm điểm là Cổ Loa, sẽ là vùng văn hóa - tín ngưỡng thờ Thánh Gióng (tức Phù Đổng Thiên vương). Sẽ không giải mã được hình tượng Thánh Gióng đa diện, đa nghĩa, đa giá trị này nếu không đặt sự sáng tạo của dân gian vào bối cảnh cư dân Việt đã tràn xuống vùng châu thổ khai phá, xây dựng nhà nước độc lập của mình. Cũng không thể hiểu việc người anh hùng làng Phù Đổng nói với sứ giả về tâu lên Hùng Vương rèn cho cậu bé một con ngựa sắt, một chiếc roi sắt, một bộ áo giáp sắt để ra trận đánh giặc ngoại xâm nếu không đặt những vũ khí mà cậu bé xin Hùng Vương cho rèn trong bối cảnh cư dân Việt vùng Cổ Loa đã có khá nhiều thành tựu trong việc chế tác kim khí: sắt, đồng mà kho mũi tên đồng mà các nhà khảo cổ học đã khai quật được ở Cổ Loa chính là minh chứng: Cổ Loa vào thời đại các vua Hùng dựng nước Văn Lang, người Việt cổ ở Đình Tràng, Đường Mây, Bãi Mèn, Xóm Hương, Xóm Nhối, Mả Tre, Cầu Vực đã đẩy kỹ thuật luyện đồng thau đến mức cực thịnh và đã chuyển qua kỹ thuật rèn và chế tạo đồ sắt"¹⁵ và: "Đồ đồng thau phát hiện ở Cổ Loa tuy không lớn, nhưng rất phong phú về loại hình, gồm công cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt, vũ khí, đồ trang sức. Rõ ràng là từ chiếc trống đồng Cổ Loa I to, nặng, với đủ các loại hoa văn tinh mỹ, đến các hiện vật nhỏ cho thấy, người thợ đúc đã hoàn toàn làm chủ được kỹ thuật trong tất cả các khâu của quá trình đúc và gia công khi đúc từng loại sản phẩm khác nhau, đã đạt đến trình độ ổn định thuần thực. Ở Cổ Loa, những hiện vật bằng đồng đỏ phát hiện được nhiều, gồm hàng trăm lưỡi cày, lưỡi xẻng đã cho thấy đồng đỏ đã nảy sinh trên cơ sở phát triển cao của kỹ thuật luyện kim đồng thau ở đây.

Những hiện vật sắt tìm thấy ở Đường Mây cho thấy kỹ thuật luyện - rèn sắt đã được phát triển trên cơ sở kỹ thuật luyện đồng. Riêng ở Cổ Loa, đồ sắt phát hiện trong địa tầng nằm dưới chân thành Cổ Loa còn cho biết thời điểm ra đời của đồ sắt trước khi thành Cổ Loa được xây dựng"¹⁶.

Vì thế, có thể thấy mờ ảo trong chân dung

người anh hùng Thánh Gióng bóng dáng của một vị tổ nghề. Ngựa sắt của người anh hùng làng Phù Đổng thét ra lửa, làm cháy những bụi tre làng, mà nay dấu vết hiện tồn là những bụi tre đặng ngà, phải chăng chỉ là một sự huyền thoại hóa, để vị tổ nghề trở nên lung linh, xa mờ, thiêng liêng trong con mắt của người dân thờ phụng. Vì thế, chân dung ban đầu của người anh hùng có lẽ là một anh hùng văn hóa, một ông tổ nghề. Nói cách khác, huyền thoại về người anh hùng làng Phù Đổng là ảnh xạ của những thành tựu trong chế tác đồng sắt của cư dân Việt cổ. Họ đạt đến đỉnh cao trong kỹ thuật chế tác kim khí, nhưng cũng sáng tạo một huyền thoại để phản ánh thành tựu ấy. Tràn xuống đồng bằng, công cuộc khai phá, chinh phục châu thổ Bắc Bộ của người Việt đứng trước nạn xâm lược của kẻ thù từ phương Bắc đến, phải chăng, vì thế, khiến cho tín ngưỡng thờ vị tổ nghề này có thêm những lớp phù sa văn hóa mới. Nhận định của cố GS. Trần Quốc Vượng: "Câu chuyện người anh hùng làng Gióng - mà diện mạo cuối cùng chứa chan tình yêu nước, tinh thần giữ nước và tinh thần toàn dân đánh giặc bảo vệ làng xóm quê hương, vốn xuất phát từ lõi cốt một thần thoại ở một vùng luyện kim của những người thợ rèn"¹⁷ là chính xác trong trường hợp này.

Như vậy, từ các mảnh vụn thần thoại trong vùng văn hóa tín ngưỡng thờ Thánh Gióng, có thể hình dung các lớp văn hóa tín ngưỡng cổ xưa được chảy âm ỉ, như một mạch nước ngầm không với cạn đến hôm nay, nhưng dưới một dòng chủ lưu: tín ngưỡng thờ cúng người anh hùng chống ngoại xâm, nói như cố GS. Trần Quốc Vượng: "Giờ đây, người anh hùng văn hóa - thần thoại đã chìm trong vô thức mà người anh hùng chống giặc luôn hiển hiện trong hữu thức. Giờ đây nghi lễ nông nghiệp đã chìm trong vô thức mà diễn xướng anh hùng ca dân gian luôn luôn là phần hữu thức của Hội Gióng"¹⁸. Sự vận động của các lớp văn hóa - tín ngưỡng ở đây đã hoàn thiện chân dung người anh hùng chống ngoại xâm với các mô típ như chúng ta thấy trong hệ thống thần tích, văn bia cho đến cuối thế kỷ XVI. Chiến công chống ngoại xâm của người anh hùng làng Phù Đổng theo mạch thời gian được chia thành hai chặng:

- Chặng trên dương thế, chống giặc Ân:

Trong chặng thứ nhất, đòi hỏi của lịch sử khiến cho cậu bé làng Phù Đổng vụt lớn dậy, trở thành người anh hùng. Người anh hùng Thánh Gióng đánh giặc từ núi Trâu Sơn, Quế Võ, từ Phả Lại đến Gia Lương rồi phía sông Lục Đầu, vùng Tiên Du, Đông Ngàn, Yên Phong và vùng xung quanh núi Sóc. Nếu đối chiếu với quá trình khai thác châu thổ Bắc Bộ của người Việt cổ, sẽ thấy chiến trường diễn ra cuộc chiến giữa Thánh Gióng với quân phương Bắc nằm bên phía Bắc dòng sông Hồng hiện tại, tức nhánh sông thứ tư của mạng lưới sông Hồng thời đầu Công nguyên như *Thủy Kinh chú* đã ghi chép. Nghĩa là vùng Long Biên, Luy Lâu, Tây Vu, Bắc Đái, Kê Từ... đầu Công nguyên (tức xứ Kinh Bắc sau này) Những cư dân Việt cổ từ miền trung du tràn xuống châu thổ, đối mặt với vùng đất rừng rậm, đầm lầy, với những thế lực từ biển vào, cần có một người anh hùng của mình. Tất cả điều ấy đã được huyền thoại hóa để các nhà Nho đời sau chuyển thành người anh hùng của quốc gia, dân tộc. Ý kiến quá sắc sảo của Keith Weller Taylor trong *Sự sinh thành của Việt Nam* (The Birth of Viet Nam): "Truyền thuyết về Lạc Long Quân, Ông Gióng, thần núi Tản Viên và Nhất Dạ Trạch được đưa vào cuốn sách lịch sử của Ngô Sĩ Liên ở thế kỷ XV. Tất cả những truyền thuyết này được đúc kết lại vào thời gian đó bằng việc soạn thảo xuất phát từ các luồng văn hóa của các thế kỷ sau đó. Những truyền thuyết này được người dân Việt Nam ghi nhớ bởi lẽ chúng thể hiện bản sắc sớm nhất của họ với tư cách một dân tộc - nhấn mạnh - NCB"¹⁹ là đúng với trường hợp này. Sự tồn tại hay không tồn tại của một cộng đồng dân tộc trong buổi bình minh của lịch sử khiến cho các lớp văn hóa tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp lắng xuống, lớp văn hóa - tín ngưỡng về người anh hùng chống ngoại xâm xuất hiện. Cảm quan này của dân gian đã được các Nhà nho sau thế kỷ X nâng lên, chuyển hóa trong các tác phẩm thành văn và thần tích ở các làng thờ Thánh Gióng.

Và, Thánh Gióng đã trở thành một anh hùng chống ngoại xâm vô cùng đẹp đẽ, hùng tráng của người Việt Nam hay nói như tác giả Tầm Vu: Thánh Gióng là hình tượng nghệ thuật dân gian tuyệt đẹp,... tràn đầy tư tưởng yêu

nước, tấm lòng căm thù giặc, ý chí quyết thắng, nhưng cũng là một người anh hùng đánh giặc vì cộng đồng, không màng chút danh lợi, hóa thân vào cõi thiêng, cõi bất tử khi đã đánh xong giặc ngoại xâm. Điều đáng lưu ý là hành động ra trận đánh giặc của người anh hùng làng Phù Đổng trở thành nơi hội tụ tất cả những người yêu nước, khiến cho huyền thoại về Thánh Gióng như trở thành một bản anh hùng ca chống giặc ngoại xâm²⁰.

Chặng hiển linh phù giúp các vương triều sau chống ngoại xâm bảo vệ đất nước. Khác với một số nhân vật anh hùng khác, Thánh Gióng còn hiển linh giúp các vương triều sau này chống ngoại xâm như nhà Tiền Lê đánh giặc Tống, giúp Lê Lợi đánh giặc Minh. *Hiển linh từ thạch bia*, khắc năm 1606 hiện còn ở đền Phù Đổng là minh chứng cho điều ấy.

Trong việc chuyển hóa này, vai trò của các vương triều quân chủ với Thánh Gióng rất quan trọng. Các vương triều này đều phong thần cho vị Thánh bất tử này qua các sắc phong. Chỉ riêng ở đền Phù Đổng, ngoài những ghi chép của các nhà Nho trong *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái* về sự phong tặng của các triều Lý, Trần thì còn sắc phong của các vương triều về sau. Tại đền Phù Đổng đã có gần 20 sắc phong của các vương triều từ nhà Lê đến nhà Tây Sơn phong cho Thánh Gióng.

Nhà Nguyễn (1802 - 1945), các vua từ Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức đến Bảo Đại, đều có sắc phong cho Phù Đổng Thiên vương. Đáng lưu ý là việc biên soạn thần tích, ngọc phả liên quan đến Thánh Gióng. Các đền Phù Đổng, Sóc Sơn, Thanh Nhàn... đều có thần tích mà văn bản ghi là được Hàn lâm viện Đông Các đại học sĩ, tiến sĩ Nguyễn Bính biên soạn vào năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) và được sao lục bởi Nguyễn Hiền vào năm Vĩnh Hựu thứ 6 - 1740²¹. Các sắc phong cùng thần tích, ngọc phả về Thánh Gióng đã khiến cho vị thánh này thêm thiêng liêng, huyền bí trong con mắt người dân các thế hệ, nghĩa là làm cho quá trình huyền thoại hóa nhân vật Thánh Gióng diễn ra sâu sắc và hoàn thiện hơn trong tâm thức dân gian. Trong các vương triều, nhà Lý (1009 - 1225) đóng vai trò quan trọng, để người anh hùng huyền thoại làng Phù Đổng thành người anh hùng chống ngoại xâm.

Không chỉ lập đền thờ bên cạnh chùa Kiến Sơ, mà nhà Lý còn lập đền thờ Thánh Gióng ở vùng Hồ Tây, gần kinh thành Thăng Long.

Trong sự can thiệp của các vương triều vào quá trình thiêng hóa người anh hùng làng Phù Đổng còn có vai trò của các nhà sư qua các thời kỳ. Chính vì thế mà huyền thoại về người anh hùng làng Phù Đổng có một lớp văn hóa Phật giáo. Dấu chân ông Đổng trên vườn rau hay bên đường to lớn khác, thường tùy theo các thần tích của các làng, có thể gợi đến dấu vết văn hóa của Kỳ Na giáo một cách nghi hoặc, nhưng dấu chân Thánh Gióng ở đỉnh núi Sóc mà người dân Sóc Sơn lưu truyền, hay vết chân trên đá ở làng Thanh Nhàn (xã Thanh Xuân), vết chân trên đá mà bà mẹ Thánh Gióng vô tình giẫm vào trong thần tích ở làng Bộ Đầu thì chắc chắn là dấu vết văn hóa của Kỳ Na giáo. Quan trọng hơn cả là dấu vết văn hóa Phật giáo. Mối liên hệ giữa người ta hay nhắc đến để minh chứng là huyền thoại về vị thần xuất hiện trong giấc mơ của nhà sư Khuông Việt (Ngô Chân Lưu) được tích hợp với huyền thoại về Thánh Gióng. *Thiên uyển tập anh* có ghi giấc mơ này, trong khi ở *Việt sử lược*, *Việt điện u linh* không ghi. Điều ấy có thể dẫn đến suy nghĩ, ở thế kỷ XIV, sự tích hợp ấy chưa diễn ra. Nhưng đến các thần tích mà trên văn bản đều ghi được Nguyễn Bính phụng soạn vào năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) thì đã xuất hiện lớp văn hóa ấy. Thần tích ở làng Phù Đổng ghi vị thần xuất hiện trong giấc mơ của nhà sư Khuông Việt (Ngô Chân Lưu) mặc áo giáp, tay cầm rìu vàng, nhưng vị thần này trong thần tích xã Xuân Tảo xuất hiện tay trái cầm thương vàng, tay phải cầm bảo tháp. Từ Tỳ Sa Môn thiên vương, chuyển hóa thành Sóc Thiên vương, rồi trở thành Phù Đổng Thiên vương, đó là chặng đường biến đổi của hình tượng Thánh Gióng, từ tác động của văn hóa Phật giáo²².

Vị thế địa - văn hóa, địa - chính trị của xứ Bắc/Kinh Bắc khiến cho vùng đất này trở thành cái nôi của Phật giáo ở nước ta, nơi phát tích sớm nhất của Phật giáo ở Việt Nam, vì thế, sự tích hợp của văn hóa Phật giáo vào tín ngưỡng thờ người anh hùng là đương nhiên. Nói đến Phật giáo ở vùng xứ Bắc/Kinh Bắc, các nhà nghiên cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam đã ghi nhận sự phát triển của sơn môn Dâu và sơn

môn Kiến Sơ (vùng Phù Đổng) từ đầu Công nguyên cho đến thế kỷ XI, XII. Sơn môn Dâu có hai nhóm: thứ nhất là sơn môn Dâu cổ, với Mâu Tử, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, Tì Ni Đa Lưu Chi, Pháp Hiền, Thông Biện...; nhóm thứ hai là sơn môn Dâu mới, với Định Không, La Quý An, Pháp Thuận... Sơn môn Kiến Sơ ra đời vào khoảng đầu thế kỷ IX, được Lập Đức, một nhà sư trước đó đã tu ở núi Tiên Du cải biến một ngôi nhà của họ Nguyễn ở Phù Đổng thành ngôi chùa, nhưng phải từ sau khi Vô Ngôn Thông (? - 826) đến đây, sơn môn Kiến Sơ mới thực sự hình thành. Sơn môn Kiến Sơ chia thành hai nhóm nhỏ: nhóm thứ nhất gồm Vô Ngôn Thông, Cảm Thành, Thiện Hội và nhóm thứ hai có Vân Phong, Khuông Việt (Ngô Chân Lưu). Đáng lưu ý là nhà sư Khuông Việt (933 - 1011), ông tham gia triều chính, củng cố đất nước của nhà Đinh. Nếu "Sơn môn Dâu liên tục sử dụng tổng trì (tam muội) hình thành một xu hướng, một nhóm pháp thuật khá hùng mạnh dưới thời Lý Nhân Tông và Lý Thần Tông, khoảng từ cuối thế kỷ XI đầu thế kỷ XII"²³ thì sơn môn Kiến Sơ lại nghiêng về đời hơn đạo và tư tưởng thiền tông rất sâu đậm²⁴. Có lẽ, chính Khuông Việt đại sư đã là một nhân tố tích cực tạo ra sự hội nhập của lớp văn hóa Phật giáo vào huyền thoại Thánh Gióng. Tư tưởng thiền tông của nhà sư Khuông Việt, thái độ đời hơn đạo của vị đại sư này khiến cho trong giấc mơ của ông xuất hiện vị thần bảo trợ quốc gia, điểm gặp gỡ giữa khát vọng của dân gian về người anh hùng cứu nước và thái độ với quốc gia của nhà sư Khuông Việt chính là người anh hùng làng Phù Đổng. Và lại, nếu hành trình tràn xuống châu thổ Bắc Bộ của người Việt từ Việt Trì, qua Cổ Loa thì Phù Đổng (nơi phát tích của sơn môn Kiến Sơ) với núi Sóc là hai điểm rất gần nhau, cùng nằm ở phía Bắc của dòng sông Hồng hiện tại. Đây cũng là cứ liệu để chúng ta hiểu vì sao huyền thoại Thánh Gióng lắng đọng ở Phù Đổng mà không lắng đọng ở vùng khác. Chùa Kiến Sơ hiện tại nằm sát bên đền thờ Thánh Gióng, nơi gắn với huyền thoại về thời trẻ của vị vua sáng lập của nhà Lý tu hành ở đây, sơn môn Kiến Sơ với nhiều thế hệ các nhà sư khiến Phù Đổng là nơi sinh ra người anh hùng làng Phù Đổng. Phải chăng Khuông Việt đại sư, rồi vua Lý Công Uẩn là những tác

động hữu thức để sơn môn Kiến Sơ có vị trí đặc biệt trong quá trình huyền thoại hóa người anh hùng nơi đây, nâng tầm vóc người anh hùng thành người đại diện cho sức mạnh dân tộc trong kháng chiến chống ngoại xâm. Nhưng sơn môn Kiến Sơ hình thành sau sơn môn Dâu, có nghĩa là tầng văn hóa liên quan đến sơn môn Dâu lan tỏa khắp một vùng: từ Dâu qua Phật Tích, rồi Phù Đổng đầu Công nguyên là Bà la môn giáo rồi Kỳ Na giáo, sau đó mới là Phật giáo. Phật giáo với Khuông Việt đại sư đã là một nhân tố tạo ra sự hội nhập của huyền thoại Thánh Gióng với văn hóa Phật giáo, làm ra nét riêng của tín ngưỡng và huyền thoại này, như nhận xét thú vị của Tạ Chí Đại Trường: "Thần núi Sóc (Vệ Linh) được đồng hóa với thần Phù Đổng"²⁵.

Cũng chính từ quá trình huyền thoại hóa này mà người anh hùng chống ngoại xâm Thánh Gióng đã có thêm một dáng vẻ mới: người anh hùng chống lụt, người đem lại mưa thuận, gió hòa cho cư dân nông nghiệp. Biến đổi của thần tích về Thánh Gióng cũng như tượng Thánh Gióng trong điện thần của đền Đông Bộ Đầu (xã Thống Nhất, huyện Thường Tín) mang những motif của một vị thần chống lụt, tượng Thánh Gióng giẫm lên đầu hai con giao long là hình ảnh của một vị thần chống lụt. Ghi chép của Đỗ Trọng Vĩ trong *Bắc Ninh địa dư chí* về lễ cầu mưa ở Đức Hậu²⁶: "Trẻ con trong làng đi hái hoa quả, lập đàn ngoài đồng, đánh trống thì thùng, xé giấy làm cờ, xếp tre làm cánh gà đến đền Mã (đền Vệ Linh) rước lư hương đưa về đàn tế, nhiều lần linh nghiệm. Truyền lại rằng, trẻ con trong làng đương cùng nhau chơi đùa, thấy một ông già đầu bạc khát nước xin uống. Đám trẻ tranh nhau gánh nước cho ông uống hết khát. Ông lão đặt tên cho thôn ấy là thôn Thanh Thủy, xã ấy là xã Đức Hậu. Còn dặn lại rằng: "Từ nay nếu có hạn hán, các cháu đến chùa nói với lão, lão sẽ lấy nước thưởng cho các cháu". Nói dứt lời bỗng biến mất. Thì ra đó là thần Thiên vương"²⁷. Trong *Bắc Ninh toàn tỉnh địa dư chí*, ký hiệu A. 2889 của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm cũng có ghi chép tương tự và còn khẳng định: "Là Đổng Thiên vương hiện thân"²⁸. Ngay văn bia ở đền Phù Đổng cũng ghi: "Nay, Thiên vương được chép trong *Sử kí* là danh thần trái

qua các đời, việc tế tự cứ theo lệ tế tám vị thần. Từ đời Đinh về sau, mệnh cho quan triều đình về làm lễ cầu đảo theo đúng nghi thức, khiến mạch nước được vững bền. Cũng như những năm hạn hán, Hoàng thượng liền sai quan viên, trai giới về cầu đảo, thường sẽ có mưa, khiến cho muôn dân trong thiên hạ được ấm no"²⁹. Điều ghi chép này hoàn toàn trùng với văn bia *Hiển linh từ thạch bia*, được khắc và dựng năm Hoàng Định thứ 6 (1606) tại đền Phù Đổng: "Sự tích Thiên vương thì các đời đều có bi kí ghi lại, tế lễ liệt vào điển lệ thờ cúng quốc gia, xếp ở vị trí thứ 8 trong đền thần. Hàng năm sai trai đình đến chuẩn bị lễ vật dâng lên tế lễ theo như nghi thức, nối dài mãi cùng vận nước, phù giúp quốc thái dân an. Mỗi khi gặp hạn hán mà làm lễ cầu đảo, thì đều có mưa, giúp người, vật sinh sôi nảy nở, thiên hạ phú cường"³⁰.

Như vậy, trải qua hàng ngàn năm lịch sử, Thánh Gióng đã trở thành biểu tượng mang tính đa diện, thể hiện những phẩm chất và hành động của người anh hùng chống ngoại xâm, người bảo trợ cho mùa màng, người mang mưa gió thuận hòa đến các làng quê, lại là thần chống lụt, người hiện thân mẫu mực cho sự trung hiếu, người được các vương triều quân chủ và dân gian nối đời thờ tự, tin tưởng... Nhiều lớp phù sa văn hóa - tín ngưỡng đã lắng đọng, để rồi trên lát cắt đồng đại là chân dung một người anh hùng chống ngoại xâm hùng tráng, thơ mộng và đẹp đẽ. Sức hấp dẫn và cuốn hút của hình tượng Thánh Gióng và Hội Gióng chính ở phương diện ấy.

Hội Gióng là nơi người Việt tái hiện chiến công chống ngoại xâm của người anh hùng làng Phù Đổng. Thực ra, trong kho tàng lễ hội cổ truyền của các dân tộc ở Việt Nam, có nhiều lễ hội tưởng niệm lịch sử, tưởng niệm người anh hùng đánh giặc ngoại xâm, nhưng chỉ có các trò diễn tưởng niệm nhân vật lịch sử, mà không là tổng thể một lễ hội tưởng niệm nhân vật lịch sử. Lễ hội gắn bó với người anh hùng diễn ra ở nhiều làng như đã trình bày ở trên, mỗi lễ hội ấy có một vẻ riêng, nhưng đều hợp thành một bức tranh rộng lớn về chân dung người anh hùng làng Phù Đổng chống giặc ngoại xâm cho cộng đồng, cho dân tộc.

Trong lễ hội ở các làng thờ phụng Thánh Gióng, Hội Gióng ở đền Phù Đổng là lễ hội quy

mô và hoành tráng hơn cả. Chưa có nhà nghiên cứu nào khẳng định chính xác thời điểm xuất hiện của Hội Gióng đền Phù Đổng. PGS.TS. Đặng Văn Lung, PGS.TS. Thu Linh khẳng định "cuộc hành quân trong Hội Dóng với cờ biển cân đai, với cách sắp xếp hiệu trung quân, tiền quân... như vậy không thể vượt quá thời Lê"³¹; nhưng cũng khó mà tin rằng, đến thời nhà Lê, lễ hội này mới hoàn chỉnh, thành một kết cấu chặt chẽ như hiện tại. Nhà nghiên cứu Tạ Chí Đại Trường khẳng định: "Một kịch bản đồ sộ như thế không thể xuất phát từ làng Phù Đổng mà phải tiếp nhận từ hí trường cung đình đã có dấu vết xuất hiện từ thời Trần qua Hậu Lê, chưa kể sự phát triển dưới triều Nguyễn"³². Có điều, với văn hóa dân gian người Việt, ranh giới giữa văn hóa cung đình và văn hóa làng xã chỉ là lằn ranh nhạt nhòa và lễ hội bao giờ cũng gắn bó với cộng đồng làng xã.

Hội Gióng đền Phù Đổng, trên lát cắt đương đại không chỉ là một trò diễn, mà là một hội trện, với nhiều trò diễn được thể hiện bằng ngôn ngữ lễ hội. Nói cách khác, Hội Gióng ở đền Phù Đổng là một hội trện. Sáng tạo của cư dân Việt vùng Kinh Bắc nói riêng, vùng châu thổ Bắc Bộ nói chung có thể nói là một sáng tạo văn hóa mang tầm nhân loại.

Các trò diễn trong Hội Gióng ở đền Phù Đổng được sắp xếp theo mô hình của một trận đánh. Người anh hùng dẫn quân ra trận, gặp tướng giặc, đánh nhau, rồi chiến thắng, bắt tướng giặc quy hàng, rồi khao quân. Đoàn quân ra trận gồm: Hiệu trống, Hiệu cờ, Hiệu tiểu cổ, Hiệu chiêng, phù giá, đoàn quân áo đỏ, phường hát Ải Lao; phía giặc gồm có 28 tướng giặc... Diễn trường của lễ hội thật rộng lớn và chính là trận địa để người anh hùng đánh giặc. Chiến trường được bố trí cách đền Thượng chừng 3km tại Đống Đàm, Soi Bia. Mỗi nơi có ba chiếc chiếu trải trên đất, ở giữa chiếu có một chiếc bát úp lên tờ giấy trắng. Chiếu tượng trưng cho đồng bằng, bát là đồi núi, giấy là mây. Cả hai nơi, ông Hiệu cờ, cầm cờ lệnh múa trên ba chiếc chiếu và hát chiếc bát, tờ giấy ra ngoài trước sự chứng kiến, hò reo đồng cảm, phấn khởi của dân làng tham dự.

Đáng lưu ý là, tất cả trận đánh, từ diễn biến đến người tham gia đều được biểu trưng hóa một cách cao độ. Hội Gióng ở đền Phù Đổng là

một hội trận tái hiện chiến công của Thánh Gióng bằng các biểu tượng: kéo ngựa trắng ra trận; âm thanh chiêng trống và động tác múa cờ lệnh của ông Hiệu cờ thể hiện diễn biến của trận đánh; những cánh bướm bay ra khi mở lá cờ trận có thể làm cho quân giặc bị lửa, sấm chớp đánh tan tác... Tướng giặc là 28 cô gái xinh đẹp của làng Phù Đổng. Ông Hiệu cờ là biểu trưng hiện thân của vị Thánh.

Giá trị của Hội Gióng ở đền Phù Đổng là dân gian đã làm thiêng hoá, vật chất hóa một trong những anh hùng ca hay nhất của người Việt bằng một hệ thống diễn xướng mang tính biểu tượng, đầy tính sáng tạo của dân gian với những biểu tượng độc đáo. Diễn xướng của Hội Gióng ở đền Phù Đổng là sáng tạo văn hóa của người Việt qua hàng ngàn năm lịch sử: ngựa sắt phun ra lửa trong truyền thuyết được tạc thành ngựa gỗ sơn màu đỏ (hoặc màu trắng) thờ trong đền Phù Đổng và đền Sóc để kéo ra trận trong ngày hội; vai các ông Hiệu cờ, Hiệu trống, Hiệu chiêng, Hiệu tiêu cổ, những nghệ nhân của phường hát Ải Lao, phù giá, tướng giặc,... đều là những người dân trong làng xã vào vai nhân vật biểu trưng, khiến Hội Gióng ở đền Phù Đổng là hội trận độc nhất vô nhị trong kho tàng lễ hội cổ truyền ở Việt Nam. Người ta có thể gặp trong văn học dân gian một số dân tộc ở Việt Nam những truyền thuyết về các anh hùng có công lao đánh giặc, giúp dân, cứu nước, cứu đời, nhưng người anh hùng trở thành một nhân vật có vị trí hàng đầu trong các vị thần được thờ phụng, tin tưởng, của tâm thức dân gian và trở thành nhân vật trung tâm của một hội trận, với các biểu tượng độc đáo thì quả là hiếm gặp ở các lễ hội của người Việt.

Hội Gióng đền Phù Đổng được lưu truyền từ thế kỷ XI đến hiện nay, ẩn tàng tư tưởng đạo lý của người Việt, nhằm thể hiện sự hòa hợp trong quốc gia và gia đình, nhưng cũng chứa đựng những lớp văn hóa - tín ngưỡng lâu đời của người Việt như tín ngưỡng phồn thực, thờ thần mưa dông...

Hội Gióng ở đền Sóc, ngoài lễ tẩm tượng Thánh Gióng, có nghi thức rước hoa tre vào đền dâng Thánh. Hoa tre là khúc tre được vót thành bông nhuộm nhiều màu sắc, phổ biến nhất là màu vàng. Nghi thức chém tướng giặc được diễn xướng một cách tượng trưng bằng

hiệu lệnh múa cờ.

Là một hội trận, nhưng tư tưởng hòa bình vẫn là tư tưởng chính mà người Việt muốn truyền lại cho muôn đời. Bởi lẽ, xong hội trận, vũ khí được xếp vào đền, đội quân của Thánh Gióng, lẫn tướng giặc, đều cùng thụ lộc của Thánh Gióng tại đền Phù Đổng một cách vui vẻ.

Vi thế, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc như một bảo tàng văn hóa, lưu giữ nhiều lớp phù sa văn hóa - tín ngưỡng, như nhận xét của cố GS.TS. Nguyễn Văn Huyền trước Cách mạng tháng Tám năm 1945: "Lễ hội này ẩn tàng cả hệ tư tưởng đạo lý và triết học, nhằm thể hiện sự hòa hợp trong gia đình, trong quốc gia. Lễ hội cũng hướng vào một ước mong thiên hạ thái bình... Đây thực sự là một lễ hội của hòa bình và an lạc"³³. Ước mong về một đất nước thái bình, khát vọng về một thiên nhiên mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu là thông điệp của cư dân Việt gửi gắm trong Hội Gióng có khả năng đưa di sản đến với cộng đồng nhân loại.

Giá trị của Hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc nói riêng và Hội Gióng ở các làng còn ở tính chủ thể của người dân trong tổ chức hội thể hiện rất rõ và đến nay, hội vẫn giữ được những sáng tạo truyền thống của dân gian. Hội Gióng ở đền Phù Đổng đóng góp một phần quan trọng vào kho tàng hội làng Việt Nam. Từ hương lễ, Hội Gióng đã trở thành hội vùng và có tầm cỡ quốc gia. Người dân đã sáng tạo một hệ thống biểu tượng vừa thực vừa ảo, vừa thiêng liêng vừa đời thường để tái hiện chiến công đánh giặc giữ nước, giữ làng của một anh hùng trong truyền thuyết khiến cho Hội Gióng luôn hấp dẫn và cuốn hút các thế hệ con người. Bao đời nay, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và ở các làng khác là chất keo kết dính cộng đồng cư dân các làng thờ phụng Thánh Gióng và các làng khác ở châu thổ Bắc Bộ. Người dân bao đời nay vẫn truyền tụng câu ca:

Mông bảy Hội Khâm

Mông Tám Hội Dâu

Mông Chín đầu đầu trở về Hội Gióng

Và, luôn nhắc nhở nhau:

Ai ơi mông chín tháng Tư

Không đi Hội Gióng cũng hư mất đời.

Tính chủ thể của người dân trong tổ chức hội thể hiện rất rõ và đến nay, Hội Gióng ở đền

Phù Đổng vẫn giữ được những sáng tạo truyền thống của dân gian. Mặc dù, trải qua thời gian, các vương triều, cả hữu thức lẫn vô thức đều can thiệp vào lễ hội thờ Thánh Gióng ở các làng, nhất là Hội Gióng ở đền Phù Đổng. Diễn trình của một hội trận, được người dân làng Phù Đổng bảo lưu, thực hành. Trước đây ở đền Phù Đổng còn một cuốn sổ lệ ghi các công việc, cũng như diễn trình của Hội Gióng. Hàng năm đến trước ngày hội, ban quý tế lại họp nhau, làm lễ kính báo đức Thánh, rồi lấy sổ lệ ra, phân công, tổ chức hội. Cuốn sổ bị thất lạc. Những năm 90 của thế kỷ XX, ban quý tế cùng các bô lão trong làng, cùng với Mặt trận tổ quốc, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đã họp lại, khơi dậy từ ký ức, viết lại cuốn sổ hội lệ. Đối chiếu với những ghi chép của các sách chữ Hán như, *Bắc Ninh tỉnh khảo dị*, *Bắc Ninh toàn tỉnh dư địa chí...*, của G.Dumoutier năm 1893, của cố GS.TS. Nguyễn Văn Huyền năm 1938, 1941, của bản khai thần tích làng Phù Đổng mà chánh tổng, hương lý kê khai theo yêu cầu của Viễn Đông Bác cổ Pháp năm 1938, không thấy có quá nhiều sự khác biệt. Nói khác đi tí chút là Hội Gióng đã được cộng đồng thực hành, bảo vệ qua hàng ngàn năm lịch sử, cộng đồng có vai trò vô cùng to lớn trong thực hành, bảo vệ Hội Gióng.

Người dân các làng xã trên địa bàn châu thổ Bắc Bộ tổ chức Hội Gióng luôn ý thức về di sản văn hóa phi vật thể của mình, ý thức này thấm vào máu thịt, trao truyền từ thế hệ những người thực hành hội này qua thế hệ khác. Hàng năm, vào tháng Giêng và tháng Tư Âm lịch, người dân nơi ngài sinh ra và nơi ngài hóa lại náo nức, hồ hởi và thành kính chuẩn bị cho các công việc của hội và tổ chức hội một cách trang nghiêm, hoành tráng. Năm 1893, G. Dumoutier từng ca ngợi Hội Gióng ở đền Phù Đổng: "còn đọng mãi trong tâm trí mỗi người giống như một trong những cảnh tượng cảm động nhất mà chúng tôi được chứng kiến ở vùng Bắc Kỳ. Liệu rằng ở châu Âu già cõi của chúng ta, người dân có còn tự hào làm lễ kỷ niệm một sự kiện lịch sử đã diễn ra hai nghìn ba trăm năm trước đây?"³⁴.

Tóm lại, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc nói riêng, ở các làng xã khác nói chung, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của một di sản

văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Sự công nhận của Ủy ban Liên Chính phủ theo Công ước năm 2003 của UNESCO tại kỳ họp thứ 5, từ ngày 15 tháng 11 đến ngày 19 tháng 11 năm 2010 ở thành phố Nairobi, thủ đô của Cộng hòa Kenya chứng tỏ điều ấy, nhưng đồng thời cũng đặt lên vai mọi người dân Việt Nam nói chung, người dân ở các làng thờ phụng Thánh Gióng nói riêng trách nhiệm bảo vệ và phát huy những giá trị của di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Bởi Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc từ sau ngày 16 tháng 11 năm 2010 không chỉ còn là di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam, mà còn là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại./.

N.C.B

Chú thích:

- 1- "Người anh hùng làng Dóng", in trong tập *Cao Huy Đình*, tác phẩm được giải thưởng Hồ Chí Minh, Nxb. KHXH, H, 2003, tr. 198.
- 2- Bài "Căn bản triết lý người anh hùng Phù Đổng và Hội Gióng", in trong tập *Lễ hội Thánh Gióng*, Nxb. VHTT, Hà Nội, 2009, tr. 440. Bản in bài viết này trong cuốn *Tim hiểu di sản văn hóa dân gian Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, 1994, từ tr. 203 đến tr. 225, tác giả dùng ghi khi viết Hội Gióng.
- 3- Trần Bá Chí, *Hội Gióng đền Sóc*, UBND huyện Sóc Sơn xb, 1986, tr. 40.
- 4- *Lễ hội truyền thống và hiện đại*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1984, tr. 98.
- 5- Xin xem Lại Văn Tới, *Các di tích đồng thau và sắt sớm khu vực Cổ Loa thời đại kim khí đồng bằng Bắc Bộ*, luận án tiến sĩ lịch sử, Viện khảo cổ học, Hà Nội, 2000.
- 6- "Bài Căn bản triết lý về người anh hùng Phù Đổng và Hội Gióng", in trong tập *Lễ hội Thánh Gióng*, Nxb VHTT, Hà Nội, 2009, tr. 440.
- 7- Bản dịch của Nguyễn Tô Lan, Nguyễn Thị Hương, Đinh Khắc Thuân hiệu đính, bản thảo, Viện VHNTVN, 2008.
- 8- *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, bản tiếng Việt của Lê Thế Thép, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1994, tr. 141.
- 9- Bài Từ một vài "trò diễn" trong lễ - hội làng... in trong *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb. VHTT, tạp chí VHTT, Hà Nội, 1996, tr. 367.
- 10- Tôi chưa có điều kiện để tra những địa danh này theo ranh giới hành chính hiện tại. Mong được sự thông cảm của bạn đọc. T.G.

- 11- *Tim hiểu lễ hội Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, 2010, tr. 243.
- 12- "Người anh hùng làng Dóng", in trong tập *Lễ hội Thánh Gióng*, Nxb. VHTT, Hà Nội, 2009, tr. 527.
- 13- Bản dịch của Nguyễn Tô Lan, Nguyễn Thị Hương, Đinh Khắc Thuân hiệu đính, bản thảo, Viện VHNTVN.
- 14- "Hội Gióng đền Sóc", in trong *Lễ hội Thánh Gióng*, Nxb. VHTT, Hà Nội, 2009, tr. 470 - 471.
- 15- Hoàng Văn Khoán, Lại Văn Tới, Nguyễn Lâm Anh Tuấn, *Cổ Loa, trung tâm hội tụ văn minh sông Hồng*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, H, 2002, tr. 416. Xin xem thêm Lại Văn Tới, *Các di tích đồng thau và sắt sớm khu vực Cổ Loa trong bối cảnh thời đại kim khí đồng bằng Bắc Bộ*, Luận án tiến sĩ lịch sử, bản thảo vi tính, Viện Khảo cổ, Hà Nội, 2000.
- 16- *Sđđ*, tr. 417 - 418, cũng xin xem thêm Lại Văn Tới, *tài liệu đã dẫn*.
- 17- Bài Vài suy nghĩ tản mạn về trống đồng, in trong tập *Theo dòng lịch sử*, Nxb. Văn hóa, H, 1996, tr. 18.
- 18- Bài Căn bản triết lý người anh hùng Phù Đổng và Hội Gióng, in trong tập *Tim hiểu di sản văn hóa dân gian Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, 1994, tr. 225.
- 19- In trong *Lễ hội Thánh Gióng*, Nxb. VHTT, 2009, tr. 326.
- 20- Xin xem Cao Huy Đình, *Người anh hùng làng Dóng*, chương 1: Đất nước vùng trung châu kể chuyện ông Dóng, Nxb. KHXH, H, 2003, từ tr. 197 - 213.
- 21- Ghi chú: Thực tế năm 1740 đã là thời vua Lê Hiển Tông, Cảnh Hưng nguyên niên, chưa rõ vì sao thần tích viết niên đại như vậy - TG ghi chú.
- 22- TS. Như Hạnh (tức Nguyễn Tự Cường) đã cắt nghĩa khá rõ ràng sự chuyển hóa của hình tượng này. Xin xem bài Tỳ Sa Môn thiên vương (Vaisravana), Sóc Thiên vương và Phù Đổng Thiên vương trong Tôn giáo Việt Nam thời trung cổ, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 2/1998 và số 3/1999 in lại trong *Lễ hội Thánh Gióng*, Nxb. VHTT, H, 2009, từ tr. 137 đến tr. 155. Cũng xin xem thêm Tạ Chí Đại Trường, *Lịch sử một thần tích: Phù Đổng Thiên vương*, in trong *Những bài dã sử Việt*, Thanh Văn xb, California, USA, 1996, từ tr. 75 đến tr. 102.
- 23- Nguyễn Duy Hình, *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1999, tr. 457.
- 24- Xin xem Nguyễn Duy Hình, *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb. KHXH, H, 1999, từ tr. 139 - 646.
- 25- Tạ Chí Đại Trường, *Thần, người và đất Việt*, bản mới, Văn học xb, California, USA, tr. 90.
- 26- Ghi chú; Theo Nguyễn Văn Huyền trong Địa lý hành chính Kinh Bắc, Đức Hậu xã thuộc tổng Phố Lộng, huyện Đa Phúc, nay thuộc huyện Sóc Sơn.
- 27- Bản dịch của Đỗ Tuấn Anh, Nguyễn Thị Thảo hiệu đính, Nxb. VHTT, Hà Nội, tr. 184 - 185.
- 28- Xin xem *Địa phương chí tỉnh Bắc Ninh qua tư liệu Hán Nôm*, Đinh Khắc Thuân chủ biên, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2009, tr. 276 - 277.
- 29- Phụng sao bia ghi chép về Phù Đổng Thiên vương, lưu tại Viện Thông tin khoa học xã hội, kí hiệu FQ4o 18, IV, 42, bản dịch của Nguyễn Kim Măng...
- 30- *Hiển linh từ thạch bi*, bản dịch của Nguyễn Kim Măng....
- 31- *Lễ hội truyền thống và hiện đại*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1984, tr. 29.
- 32- Bài Lịch sử một thần tích: Phù Đổng Thiên vương in trong tập *Những bài dã sử Việt*, Thanh Văn xb, California, USA, 1996, tr. 95.
- 33- Hội Phù Đổng, một trận đánh thần kỳ trong truyền thuyết Việt Nam - 1938, Bản dịch của Trần Đình và Đỗ Trọng Quang, in trong cuốn *Hội Thánh Gióng*, Nxb. VHTT, Hà Nội, 2009, tr. 178.
- 34- Bản tiếng Việt của Phan Phương Anh, in trong cuốn *Hội Thánh Gióng*, Nxb. VHTT, H, 2009, tr. 151.

NGUYỄN CHÍ BẾN: GIÓNG FESTIVALS AT PHÙ ĐỔNG AND SÓC TEMPLES - THE REPRESENTATIVE OF INTANGIBLE HERITAGE

In this paper, through the literature review and decode some phenomena in Gióng festivals, the author discussed the unique values of these festivals to demonstrate that this element is worth to be the representative of intangible heritage from UNESCO.